TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Be;
2. Ông Phan Văn Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thuý Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 298/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thủy T, sinh ngày 17/01/2000; Căn cước công dân số 072300003500 do Bộ C cấp ngày 31/12/2024; Địa chỉ: Tổ I, ấp S, xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Huỳnh Tấn P, sinh ngày 29/01/1996; Căn cước công dân số 072096002629 do Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2025, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà nguyên đơn chị Lê Thị Thủy T trình bày: Chị và anh P chung sống với nhau từ năm 2020, đến năm 2021 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng cuối năm 2023 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh P chung sống không hoà hợp, anh P chơi cờ bạc, không chia sẻ, phụ giúp công việc gia đình; ngoài ra anh P còn nghi ngờ, ghen tuông cho rằng chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên xảy ra cãi vã thường xuyên. Từ tháng 01/2025 chị đã sống ly thân với anh P cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 (hai) con chung tên là Huỳnh Thảo M, sinh ngày 09/6/2021; Huỳnh Hữu L, sinh ngày 29/11/2022. Từ khi ly thân đến nay, cháu L ở chung với gia đình anh P, cháu M ở chung với gia đình chị. Ly hôn, chị xin nuôi dưỡng cháu M, giao cháu L cho anh P nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con vì chị muốn san sẻ trách nhiệm và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hiện nay anh P làm nghề thuỷ lợi, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng sẽ khó khăn trong việc nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị bán nước và làm nghề nail, thu nhập ổn định khoảng 5.000.000 đồng/tháng đến 6.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà, bị đơn anh Huỳnh Tấn P trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T nhắn tin qua lại, có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, rạn nứt tình cảm. Từ tháng 01/2025 chị T bỏ về bên nhà mẹ ruột sống ly thân với anh cho đến nay. Ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác. Hiện nay anh chưa đồng ý ly hôn với chị T vì còn thương 02 con nhỏ. Trường hợp chị Tiên đồng Ý giao 02 con chung cho anh nuôi dưỡng thì anh mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Huỳnh Thảo M, sinh ngày 09/6/2021; Huỳnh Hữu L, sinh ngày 29/11/2022. Anh đang nuôi dưỡng cháu L, chị T đang nuôi dưỡng cháu M. Trường hợp ly hôn, anh xin nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh làm nghề thuỷ lợi thu nhập ổn định 8.000.000 đồng/tháng, có cha mẹ ruột phụ giúp chăm sóc. Còn chị T ở nhà bán nước và làm nail, thu nhập không ổn định nên anh không đồng ý giao con chung Huỳnh Thảo M cho chị T nuôi dưỡng, nếu chị T lập gia đình mới sẽ bỏ bê việc chăm sóc cháu M. Trường hợp Toà án quyết định giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Toà án khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đều thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thủy T.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thủy T được ly hôn với anh Huỳnh Tấn P.

Về con chung: Giao 01 con chung Huỳnh Thảo M, sinh ngày 09/6/2021 cho chị Lê Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao 01 con chung Huỳnh Hữu L, sinh ngày 29/11/2022 cho anh Huỳnh Tấn P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị T, anh P đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung đối với anh Huỳnh Tấn P cư trú tại xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh nay là xã H, tỉnh Tây Ninh. Do vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nay là Toà án nhân dân khu vực 10-Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T, anh P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020 và năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án chị T, anh P đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ khoảng cuối năm 2023 do chung sống không hoà hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, rạn nứt tình cảm vợ chồng nên chị T, anh P đã sống ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh P chỉ đồng ý ly hôn khi chị Tiên đồng Ý giao 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên toà, anh không đồng ý ly hôn với chị T vì thương 02 con

chung còn nhỏ, tuy nhiên anh P không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng; mặt khác bản thân chị T không đồng ý chung sống trở lại với anh P. Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh P có 02 (hai) con chung tên là Huỳnh Thảo M, sinh ngày 09/6/2021; Huỳnh Hữu L, sinh ngày 29/11/2022. Ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M, đồng ý giao cháu L cho anh P nuôi dưỡng. Xét về điều kiện nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị T, anh P đều có nơi ở ổn định là ở chung với gia đình cha mẹ ruột và có việc làm, có thu nhập. Anh P làm công tác thuỷ lợi, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng còn chị T bán nước, làm nghề nail, thu nhập khoảng từ 5.000.000 đồng/tháng đến 6.000.000 đồng/tháng. Nếu giao 02 con chung cho một người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cho 02 cháu. Mặt khác, từ tháng 01/2025 chị T và anh P sống ly thân cho đến nay thì cháu M sống chung với chị T, cháu L sống chung với anh P.

Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho các con chung phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt cho các con nên cần thiết giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và giao cháu L cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi ly hôn, chị T, anh P đều có quyền thăm nom các con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Ghi nhận chị T, anh P đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh P đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10-Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thủy T về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" đối với anh Huỳnh Tấn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thủy T được ly hôn với anh Huỳnh Tấn P.

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên là Huỳnh Thảo M, sinh ngày 09/6/2021 cho chị Lê Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao 01 (một) con chung tên là Huỳnh Hữu L, sinh ngày 29/11/2022 cho anh Huỳnh Tấn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau ly hôn, chị T, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Ghi nhận chị T, anh P đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Thủy T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002140 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV10 - Tây Ninh;
- THADS Tây Ninh;
- UBND xã Hảo Đước;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Thị Liên